

Bản án số: 19/2025/HS-ST

Ngày 14-3- 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hà Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Nguyễn Thị Nga

Bà: Nguyễn Thị Hồng Ninh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/TLST-HS, ngày 19 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/HSST-QĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. N B M, sinh năm 1985 tại Hà Nội; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số nhà A T, xã T (trước là xã D), huyện K, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông N B H, sinh năm 1963 và bà Đ T L, sinh năm 1962; Vợ: T T H, sinh năm 1990, có 03 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không có. Nhân thân: Ngày 19/3/2011, Công an huyện C, Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi Đánh bạc. Ngày 24/3/2011 N B M đã nộp phạt theo quy định (đã được xóa). Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 18/12/2024 đến ngày 21/12/2024 hủy tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

2. Đ Đ Q, sinh năm 1992 tại Hà Nội; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Căn hộ S, tòa S Khu đô thị V, xã Đ1, huyện K, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đ Đ V, sinh năm 1963 và bà N T K L, sinh năm 1964; Vợ, con: không có;

Tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 18/12/2024 đến ngày 21/12/2024 hủy tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

3. N N A, sinh năm 1990 tại Thái Nguyên; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông N V T2, sinh năm 1960 và bà L T A, sinh năm 1960; Vợ: N N Q1, sinh năm 2000, có 01 con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: không có. Nhân thân: Ngày 13/11/2013, Công an phường T, TP. Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính số tiền 350.000 đồng về hành vi đánh bạc. Ngày 13/11/2013, N N A đã nộp phạt theo quy định (đã được xóa). Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 18/12/2024 đến ngày 21/12/2024 hủy tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

4. D Q T, sinh năm 1979 tại Hà Nội; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn T, xã O (trước là xã X), huyện K, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông D Q B, sinh năm 1953 và bà T T B1, sinh năm 1954; Vợ: T H T3, sinh năm 1981, có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 18/12/2024 đến ngày 21/12/2024 hủy tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

5. N V M1, sinh năm 1987 tại Hà Nội; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Căn hộ U, tòa S Khu đô thị V, xã Đ1, huyện K, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông N V T4, sinh năm 1955 và bà N T G, sinh năm 1953 (đã chết); Vợ: N T B, sinh năm 1991, có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không có. Nhân thân:

- Bản án số 231 ngày 22/6/2006, Tòa án quận B, Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/02/2007 (đã được xóa án tích)

- Bản án số 148 ngày 11/5/2007, Tòa án quận Đ, Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản 125.000 đồng). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/10/2007 (đã được xóa án tích)

- Bản án số 266 ngày 13/6/2008, Tòa án quận Đ, Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá 700.000 đồng). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/02/2009 (đã được xóa án tích)

- Ngày 20/02/2007, Công an phường Đ, quận B, Hà Nội xử phạt hành chính số tiền 1.600.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy và đưa hối lộ.

- Tháng 06/2009, đi cai nghiện bắt buộc.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 18/12/2024 đến ngày 21/12/2024 hủy tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

6. P T L, sinh năm 1981 tại Hà Nội; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Tổ F, phường L3, quận H4, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông P I, sinh năm 1955 và bà P T Th, sinh năm 1957; Vợ: Đ Đ Tr (đã chết), có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 18/12/2024 đến ngày 21/12/2024 hủy tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 18/12/2024, tại hành lang tầng 2 chợ S1, xã N, huyện K, D Q T, N V M1 và P T L ngồi uống nước thì thấy có 01 bộ bài tú lơ khơ rơi ở dưới nền nhà nên cả ba cùng rủ nhau chơi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh “ Liêng” và Hình thức chơi liêng như sau: Dùng 52 quân bài tú lơ khơ chia đều cho mỗi người chơi 3 quân bài úp kín còn bài ở giữa là “bài lọc”, ván đầu tiên thì người chia bài được chọn ngẫu nhiên, từ ván sau nếu ai thắng thì được chia bài và là người tổ đầu tiên, trước khi lên bài người chơi phải đặt cược 20.000 đồng/ 1 ván. Sau khi tự xem bài của mình xong thì người được chia bài sẽ tùy thuộc vào bài của mình mà “Tổ” tiền tiếp theo nhưng số lượng tiền tổ thêm không quá 200.000 đồng/1 ván nếu không theo tổ thì bỏ bài xuống thua ván đó và mất tiền cược ban đầu. Sau khi “Tổ” xong thì các cửa theo “Tổ” đều lật bài để so sánh bài. Quy định tính thắng, thua như sau: Bài to nhất là “Sáp” là 3 quân bài bằng điểm và tính theo thứ tự tăng dần từ 2, 3,4 đến quân Át), sau đó đến Liêng (3 quân bài liên tiếp nhau), tiếp theo là Ảnh là có 3 quân bài đầu người J,Q,K mà không phải là “Sáp” hoặc “Liêng”, sau đó đến bài theo thang điểm 9 điểm cao nhất, người chơi có điểm cao hơn sẽ thắng và được thu hết tiền đặt cược dưới chiếu. Ngoài ra nếu có người chơi được bài Sáp hoặc bài liêng Đồng hoa (03 quân bài liền nhau cùng chất) thì sau khi kết thúc ván bài đó mỗi người chơi còn lại phải bỏ thêm 100.000 đồng cho người được Sáp và 60.000 đồng cho người được bài Đồng hoa. Khi D Q T, N V M1, P T L đang đánh bạc thì có N N A, Đ Đ Q và N B M cũng lên tầng 2 chợ S1 tham gia đánh bạc cùng. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi D Q T, N V M1, P T L, N N A, Đ Đ Q và N B M đang đánh bạc thì bị cơ quan Công an kiểm tra, bắt quả tang cùng vật chứng.

Quá trình điều tra xác định: D Q T có 600.000 đồng để dưới chiếu dùng đánh bạc, khi bị kiểm tra bắt giữ T đang thắng số tiền 140.000 đồng; N V M1 có 520.000 đồng để dưới chiếu dùng đánh bạc, khi bị kiểm tra bắt giữ M1 đang thua còn số tiền

320.000 đồng; P T L mang theo số tiền 200.000 đồng để dưới chiếu dùng đánh bạc, khi bị kiểm tra bắt giữ Long đang thua còn số tiền 40.000 đồng; N N A mang theo số tiền là 700.000 đồng để dưới chiếu dùng đánh bạc, khi bị kiểm tra bắt giữ N A đang thắng số tiền 260.000 đồng; Đ Đ Q mang theo số tiền là 1.350.000 đồng để dưới chiếu dùng đánh bạc, khi bị kiểm tra bắt giữ Q đang thua còn số tiền 1.190.000 đồng; N B M mang theo số tiền là 1.760.000 đồng để dưới chiếu dùng đánh bạc, khi bị kiểm tra bắt giữ M đang thắng số tiền 120.000 đồng. Tổng số tiền T, B M, V M1, L, N A và Q sử dụng để đánh bạc: 5.130.000 đồng. Đây là lần đầu tiên các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc trái phép thì bị Công an bắt giữ.

* Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc: Bộ tú lơ khơ 52 quân và số tiền 5.130.000.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKSGL, ngày 17/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo N B M và đồng phạm phạm Tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Các bị cáo đã khai nhận về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện như đã khai nhận tại cơ quan điều tra, các bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và xin được cải tạo ngoài xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày luận tội, giữ nguyên nội dung Bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo trên cơ sở xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo: Đ Đ Q, D Q T và P T L;

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo: N B M và bị cáo N N A;

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo: N V M1;

Tuyên bố các bị cáo: N B M, Đ Đ Q, N N A, D Q T, N V M1 và P T L phạm Tội đánh bạc. Đề nghị xử phạt:

Bị cáo N B M: từ 10 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về UBND xã T, huyện K, Hà Nội nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách

Bị cáo Đ Đ Q: từ 30 triệu đồng đến 35 triệu đồng

Bị cáo N N A từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về UBND xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách

Bị cáo D Q T: 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng.

Bị cáo N V M1 từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 24 tháng đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về UBND xã Đ1, huyện K, thành phố Hà Nội nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách

Đề nghị xử phạt bị cáo P T L 25 triệu đến 30 triệu đồng.

- Hình phạt bổ sung: Do các bị cáo N B M, N N A, N V M1 nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền. Đối với các bị cáo Đ Đ Q, D Q T và P T L do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: số tiền 5.130.000 đồng thu giữ của các bị cáo do liên quan đến hành vi phạm tội. Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ tú lơ khơ 52 quân là công cụ phạm tội của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Hồi 15 giờ 30 phút ngày 18/12/2024, tại tầng 2 chợ S1, xã N, huyện K, Hà Nội, các bị cáo D Q T, N B M, N V M1, P T L, N N A, Đ Đ Q đã có hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh “Liêng” với số tiền 5.130.000 đồng thì bị cơ quan Công an kiểm tra bắt giữ cùng vật chứng.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo bị cáo D Q T, N B M, N V M1, P T L, N N A, Đ Đ Q phạm tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Về hình phạt và các tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã cố ý xâm phạm đến trật tự công cộng, một khách thể được Bộ luật hình sự bảo vệ. Việc phát hiện hành vi vi phạm, thu hồi vật chứng là ngoài ý muốn của các bị cáo. Hành vi của các bị cáo phải bị truy tố và xét xử bằng một Bản án mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành tích cực.

Các bị cáo N B M, N N A nhân thân đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, bị cáo N V M1 nhân thân có 3 tiền án về tội trộm cắp tài sản, 02 tiền sự về ma túy nhưng đều đã được xóa theo quy định của pháp luật (đã lâu) nên được coi là không có án tích.

Các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự (trừ bị cáo N V M1 không áp dụng điểm i). Đối với bị cáo N V M1 mẹ bị cáo mất sớm, gia đình có hoàn cảnh khó khăn (có đơn xin xác nhận của bố bị cáo là ông N V T4) nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nơi cư trú rõ ràng. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ cho các bị cáo (trừ bị cáo N V M1) áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, đối với bị cáo N V M1 được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện K đề nghị áp dụng đối với bị cáo có phần phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy các N B M, N N A, N V M1 nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền. Đối với các bị cáo Đ Đ Q, D Q T và P T L do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6]. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: số tiền 5.130.000 đồng thu giữ của các bị cáo do liên quan đến hành vi phạm tội. Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ tú lơ khơ 52 quân là công cụ phạm tội của các bị cáo.

[7]. Về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo: các bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo: N B M, N N A, Đ Đ Q, D Q T và P T L.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo N V M1;

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Áp dụng các Điều: 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên bố: các bị cáo N B M, Đ Đ Q, N N A, D Q T, N V M1 và P T L phạm Tội đánh bạc.

Xử phạt các bị cáo:

N B M: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng);

Đ Đ Q: 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng);

N N A: 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng);

D Q T: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng);

P T L: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng);

N V M1: 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo N V M1 về Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện K, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, bị cáo N V M1 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.130.000 đồng và Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ tú lơ khơ 52 quân. Toàn bộ số vật chứng này hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo Biên lai thu tiền ký hiệu: BLTT/23, số 0004091, ngày 20/02/2025 và biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 19/02/2025.

Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo N B M, Đ Đ Q, N N A, D Q T, N V M1 và P T L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Các Bị cáo
 - VKSND huyện K
 - Tòa án nhân dân TP. Hà Nội
 - Công an TP. Hà Nội
 - Chi cục THADS huyện K
 - Sở tư pháp TP. Hà Nội
 - UBND xã: T, Đ1, O - huyện K, thành phố Hà Nội.
 - UBND xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên
 - UBND phường L3, quận H4, thành phố Hà Nội
- (thay cho thông báo kết quả xét xử)
- Lưu: hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hà Thu